

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Thắng và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: ông Trần Quốc C - Luật sư Văn phòng L chi nhánh B1.

Địa chỉ: Số C đường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn A có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 07/07/2022. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Sau khi chị N sinh con thì ở tại nhà của bố mẹ chị tại Bà Rịa – Vũng Tàu còn anh A về quê tại Quảng Bình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Thời gian ly thân hai bên ít liên lạc, anh A cũng không quan tâm đến vợ con. Nay chị không còn tình cảm với anh A, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Di B – sinh ngày 26/7/2022. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Anh và chị Trần Thị Huỳnh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 07/07/2022. Quá trình sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà anh tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Đến lúc chị N gần sinh con thì anh đưa chị N vào nhà ngoại tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để sinh con và nuôi con. Sau đó vì công việc nên anh trở về quê để làm việc. Đến tháng 12/2022 anh và mẹ vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin vợ con về thì ông bà ngoại và chị Như k nhất trí và lấy lý do để cháu cứng cáp và không cho tôi đưa vợ con về Quảng Bình. Tháng 2/2023 anh tiếp tục vào thăm và đón con về thì ông bà ngoại và chị N không cho anh gặp con. Còn anh và chị N không có mâu thuẫn gì. Anh thừa nhận việc vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 12/2022 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm có phai nhạt nhưng việc chị N làm đơn ly hôn thì anh không nhất trí ly hôn vì cho rằng anh không đánh đập, không có mâu thuẫn gì với chị N để dẫn tới việc ly hôn.

Về con chung, anh nhất trí như trình bày của chị N là anh chị có 01 con chung. Anh không muốn ly hôn nên muốn vợ chồng cùng nhau nuôi con. Trường hợp chị N nhất trí để anh nuôi con thì anh chấp nhận ly hôn.

Về tài sản chung, anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngày 19/8/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh n đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt nộp cho Toà án, nội dung đơn chị xin được vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên các ý kiến như chị đã trình bày ở bản tự khai, phiên hòa giải để Toà án xem xét.

Ngày 04/9/2024, Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị N, anh A đến phiên toà vào ngày 16/9/2024, nhưng anh A vắng mặt không có lý

do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 27/9/2024, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh A vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: chị Trần Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Tuấn A có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ lâu, nay không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; cháu Nguyễn Di Băng t nhỏ đều sống cùng chị N và gia đình ngoại, được chăm sóc đầy đủ và phát triển tốt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Trần Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A; xử giao con chung là Nguyễn Di B – sinh ngày 26/7/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu xem xét về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Huỳnh N có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A và giải quyết về con chung của vợ chồng, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N và bị đơn anh Nguyễn Tuấn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống chị N trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa; anh A trình bày do điều kiện công việc nên khi chị N sinh con và nuôi con tại nhà ngoại ở Bà Rịa - Vũng Tàu, anh phải về quê để làm việc nên vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng

12/2022, vợ chồng không quan tâm gì nhau. Tuy nhiên anh A cho rằng bản thân anh và chị N không có mâu thuẫn gì để dẫn đến việc ly hôn.

Như vậy, cả chị N và anh A đều xác định cả hai có khoảng thời gian sống ly thân gần 02 năm nay, không quan tâm gì đến nhau. Chị N xác định bản thân không còn tình cảm gì với anh A, kiên quyết xin được ly hôn. Anh A biết chị N có nguyện vọng được ly hôn, mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh A cũng không có hành động gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, tại buổi hoà giải ngày 19/8/2024 anh chị vẫn tiếp tục bất đồng quan điểm, tranh cãi gay gắt; ngoài buổi hoà giải này anh chị cũng không có lần nào gặp gỡ nhau nữa nên các mâu thuẫn vẫn không giải quyết được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh A đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn có hạnh phúc, hai người ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh A là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Tuấn A đều thống nhất là anh chị có 01 con chung là Nguyễn Di B, sinh ngày 26/7/2022. Đồng thời, cả chị N và anh A cũng đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Di B mới chỉ dưới 36 tháng tuổi, cháu sinh sống cùng mẹ từ khi sinh ra đến nay, ít khi gặp bố; chị N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và có nguyện vọng tha thiết được nuôi con. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Di B cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của cháu B trong lứa tuổi hiện nay; anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N như yêu cầu và anh A cũng không tự nguyện đề nghị.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh A đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Huỳnh N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào Ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Huỳnh N và bị đơn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huỳnh N, xử cho chị Trần Thị Huỳnh N ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

3. Về quan hệ con chung: chị Trần Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Di B, sinh ngày 26/7/2022. Sau khi chị N và anh A ly hôn, giao con chung là Nguyễn Di B cho chị Trần Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Tuấn A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Tuấn A có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Huỳnh N chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003400 ngày 30 tháng 7 năm 2024. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
 - VKSND thị xã Ba Đồn;
 - Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
 - UBND thị trấn Long Hải, h. Long Điền
- t. Bà Rịa – Vũng Tàu (Giấy CNKH số 154/2022 ngày 07/7/2022);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo